UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
BAN CHỈ ĐẠO LIÊN NGÀNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 03 /BC-BCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 01 tháng 03năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả Triển khai Kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân 2021

Kính gửi: Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 5394/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh về an toàn thực phẩm ban hành Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 06/01/2021về việc thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân năm 2021.

- Các Sở, ban, ngành, các hội, đoàn thể trong tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân năm 2021.

- Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh đã xây dựng Kế hoạch và tăng cường triển khai công tác kiểm tra về an toàn thực phẩm (ATTP) trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân 2021 trên địa bàn quản lý.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ TRIỂN KHAI

1. Các hoạt động truyền thông được triển khai

Các đơn vị, địa phương đã tăng cường tổ chức các chiến dịch truyền thông về ATTP vào dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị và phối hợp tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng.

STT	Hoạt động	Số lượng/buổi	Số người tham dự/ phạm vi bao phủ
1	Họp cộng tác viên báo chí	0	-
2	Nói chuyện chuyên đề	107	4.401
3	Tập huấn	2	115
4	Hội thảo	0	-

5	Phát thanh: tỉnh	0	-
	Phát thanh: huyện	69	Toàn huyện
	Phát thanh: xã/phường	1.008	Toàn xã
	Phát thanh: thôn/ bản	0	-
6	Truyền hình: tỉnh	20	Toàn tỉnh
7	Báo viết: tỉnh	10	-
	Báo viết: huyện	2	-
	Bản tin: xã/phường	21	-
8	Sản phẩm truyền thông:	0	-
	- Băng rôn, khẩu hiệu	127	Toàn tỉnh
	- Tranh áp - phích	146	Toàn tỉnh
	- Tờ gấp	716	Toàn tỉnh
	- Băng, đĩa hình	3	Toàn tỉnh
	- Băng, đĩa âm	23	Toàn tỉnh
	- Tờ rơi	150	-
9	Hoạt động khác: hội thi, hội thao tuyên truyền ATTP ...	0	-

2. Hoạt động kiểm tra, thanh tra

a) Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra được thành lập: 163 đoàn. Trong đó:

- Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến tỉnh : 03 đoàn.
- Số đoàn kiểm tra tuyến huyện : 13 đoàn.
- Số đoàn kiểm tra tuyến xã : 147 đoàn.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra, tình hình vi phạm và xử lý vi phạm của cơ sở (Phụ lục I).

c) Các nội dung vi phạm chủ yếu và kết quả kiểm nghiệm mẫu (Phụ lục II).

III. TÌNH HÌNH NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM TRONG DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN TÂN SỬU

TT	Chỉ số	**Năm 2021** (từ 20/12/2020 đến 20/2/2021)	**Số cùng kỳ năm 2019-2020**	So sánh
1	Số vụ (vụ)	0	0	
2	Số mắc (ca)	2	5	Tỉ lệ giảm 40% so với cùng kỳ
3	Số chết (người)	0	0	
4	Số đi viện (ca)	2	5	Tỉ lệ giảm 40% so với cùng kỳ
5	Nguyên nhân	Thực phẩm bị ôi thiu, biến chất	Thực phẩm bị ôi thiu, biến chất	

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác truyền thông về bảo đảm ATTP trong dịp Tết Nguyên Đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân năm 2021 được thực hiện thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm phổ biến các quy định của pháp luật về ATTP cũng như kiến thức trong việc sản xuất, kinh doanh, sử dụng thực phẩm và phụ gia thực phẩm an toàn nhằm góp phần giảm thiểu ngộ độc thực phẩm; phòng ngừa ngộ độc thực phẩm. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo khuyến nghị của Bộ Y tế.

- Đối với công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở được kiểm tra đa số đảm bảo các điều kiện ATTP theo quy định. Trong đó, số cơ sở được kiểm tra là 1.744 cơ sở, số cơ sở đạt là 1.683 cơ sở chiếm 96,5%. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thường xuyên vệ sinh cơ sở. Người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo quy định. Chủ cơ sở tổ chức cho người lao động tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận theo quy định. Người trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm mang, mặc bảo hộ lao động đầy đủ và thực hành ATTP đúng theo quy định. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống sử dụng nguồn nước đảm bảo ATTP. Đối với các sản phẩm thuộc diện tự công bố sản phẩm đã thực hiện việc công bố sản phẩm và duy trì kiểm nghiệm sản phẩm định kỳ. Việc ghi nhãn sản phẩm đúng theo hồ sơ đã công bố. Khu vực sản xuất, chế biến thực phẩm được sắp xếp và bố trí quy trình sản xuất theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm thành phẩm cuối cùng. Nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm sử dụng trong sản xuất chế biến thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng.

Các đoàn thanh tra, kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra nhanh một số chỉ tiêu hóa lý các sản phẩm tại cơ sở với kết quả thực hiện 148 test nhanh và cho kết quả âm tính. Các chỉ tiêu test nhanh chủ yếu là hàn the, phẩm màu, foocmon.

2. Hạn chế, tồn tại

Bên cạnh các cơ sở chấp hành đúng các quy định về ATTP, vẫn còn các cơ sở chưa thực hiện đúng các quy định về ATTP. Trong đó, có 24 cơ sở bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATTP với số tiền phạt là 76.770.000 đồng; có 37 cơ sở vi phạm nhưng chỉ nhắc nhở. Các cơ sở này chủ yếu là các cơ sở nhỏ lẻ thuộc tuyến xã quản lý, không có đăng ký kinh doanh, không có địa điểm kinh doanh ổn định, mức nhu nhập thấp, sản xuất, kinh doanh theo mùa vụ vì vậy khó áp dụng xử phạt tiền.

Một số hành vi vi phạm bị xử lý với hình thức phạt tiền:

- Điều kiện vệ sinh cơ sở: 06 cơ sở.

- Điều kiện trang thiết bị dụng cụ: 03 cơ sở.

- Điều kiện về con người: 08 cơ sở.

- Vi phạm khác: 07 cơ sở.

3. Kiến nghị

a) Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm

- Chỉ đạo các Bộ, Ngành tổ chức hoặc bố trí kinh phí cho các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ công tác quản lý ATTP, chú trọng cho tuyến huyện, xã.

- Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về ATTP cho các cán bộ tuyến tỉnh, huyện.

b) UBND tỉnh

- Chỉ đạo các cơ quan quản lý chuyên ngành ATTP cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo lĩnh vực được phân công, phân cấp và hướng dẫn cấp huyện tổ chức thực hiện công tác này.

- Chỉ đạo các cơ quan quản lý chuyên ngành tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý cho các cán bộ làm công tác quản lý ATTP ở tuyến huyện, xã.

c) Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP các huyện, thị xã, thành phố

- Tăng cường công tác tuyên truyền về ATTP để các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thực hiện đúng theo Luật An toàn thực phẩm; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức ATTP trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Chỉ đạo Phòng Y tế phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác tuyên truyền về ATTP để các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thực hiện đúng theo Luật An toàn thực phẩm; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức về ATTP trên các phương tiện thông tin đại chúng; tăng cường công tác kiểm tra kịp thời phát hiện hành vi vi phạm về ATTP, yêu cầu thực hiện ngay các biện pháp khắc phục, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các cơ sở vi phạm trên địa bàn mình quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo kết quả Triển khai Kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân trên địa bàn tỉnh Bình Định, Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về ATTP kính báo cáo Quý cấp lãnh đạo biết và có ý kiến chỉ đạo để thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục ATTP - Bộ Y tế; (báo cáo)
- Ông Lâm Hải Giang, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh (để biết);
- Các Sở: Y tế, NN&PTNT, CT (để biết);
- Các thành viên BCĐ tỉnh (để biết);
- BCĐ các huyện, thị xã, thành phố (phối hợp);
- Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm;
- Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố;
- TTYT các huyện, thị xã, thành phố;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY.

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH BÌNH ĐỊNH

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Nguyễn Văn Trung

Phụ lục I
KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA, TÌNH HÌNH VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM CỦA CƠ SỞ

Bảng 1: Kết quả kiểm tra:

Hoạt động	Tuyến xã				Tuyến huyện				Tuyến tỉnh				Tổng cộng			
	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng
Số cơ sở được thanh, kiểm tra	13	79	484	**576**	70	309	715	**1094**	25	29	20	**74**	**108**	**417**	**1219**	**1744**
Số cơ sở đạt	09	78	462	**549**	61	307	698	**1066**	23	28	17	**68**	**93**	**413**	**1177**	**1683**
Tỷ lệ đạt (%)	**69,2**	**98,7**	**95,5**	**95,3**	**87,1**	**99,4**	**97,6**	**97,4**	**92,0**	**96,6**	**85,0**	**96,2**	**86,1**	**99,0**	**96,6**	**96,5**

Bảng 2. Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm:

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Tuyến xã		Tuyến huyện		Tuyến tỉnh		Tổng cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ% so với cơ sở được thanh, kiểm ttra	Số lượng	Tỷ lệ% so với cơ sở được thanh, kiểm tra	Số lượng	Tỷ lệ% so với cơ sở được thanh, kiểm tra	Số lượng	Tỷ lệ% so với cơ sở được thanh, kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh, kiểm tra	**576**		**1094**		**74**		**1.562**	
2	Số cơ sở có vi phạm	27	**4,7**	28	**2,6**	6	**8,1**	**61**	**3,9**
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý	27	**0**	18	**1,6**	6	8,1	**24**	**1,5**
Trong đó:									
3.1. Hình thức phạt chính:									
	Số cơ sở bị cảnh cáo	0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
	Số cơ sở bị phạt tiền	0	0	18	1,6	6	8,1	**24**	**1,5**
	Tổng số tiền phạt	0		50.770.000 đồng		26.000.000 đồng		**76.770.000 đồng**	
3.2. Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả									
*	Số cơ sở bị đóng cửa	0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm	0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành	0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm	0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy	0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
*	Số cơ sở khắc phục về nhãn	0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục	0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo	0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
	Số loại tài liệu quảng cáo có bị đình chỉ lưu hành	0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
*	Các xử lý khác	0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý	0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
3.4	Số cs có vi phạm nhưng không xử lý *(chỉ nhắc nhở)*	27	**4,7**	**10**	**1,0**	0	0	**37**	**2,4**

Phụ lục II
CÁC NỘI DUNG VI PHẠM CHỦ YẾU VÀ KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM MẪU

Bảng 1. Các nội dung vi phạm chủ yếu bị xử lý bằng hình thức phạt tiền

TT	Nội dung vi phạm	Tuyến xã			Tuyến huyện			Tuyến tỉnh			Tổng cộng		
		Số cs được thanh, kt	Số cs vi phạm	Tỷ lệ %	Số cs được thanh, kt	Số cs vi phạm	Tỷ lệ %	Số cs được thanh, kt	Số cs vi phạm	Tỷ lệ %	Số cs được thanh, kt	Số cs vi phạm	Tỷ lệ %
1	Điều kiện vệ sinh cơ sở	576	0	**0**	1094	05	**0,5**	74	01	**1,4**	**1744**	**06**	**0,3**
2	Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ	576	0	**0**	1094	02	**0,2**	74	01	**1,4**	**1744**	**03**	**0,2**
3	Điều kiện con người	576	0	**0**	1094	06	**0,6**	74	02	**2,7**	**1744**	**08**	**0.8**
4	Công bố tiêu chuẩn sản phẩm	576	0	**0**	1094	0	**0**	74	0	**0,0**	**650**	**0**	**0.0**
5	Ghi nhãn thực phẩm	576	0	**0**	1094	0	**0**	74	0	**0,0**	**650**	**0**	**0,0**
6	Quảng cáo thực phẩm	576	0	**0**	1094	0	**0**	74	0	**0,0**	**650**	**0**	**0,0**
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm	576	0	**0**	1094	0	**0**	74	0	**0,0**	**650**	**0**	**0,0**
8	Vi phạm khác	576	0	**0**	1094	05	**0,5**	74	02	**2,7**	**650**	**07**	**1,1**

Bảng 2. Kết quả kiểm nghiệm mẫu (Tuyến huyện và tỉnh):

TT	Loại xét nghiệm	Tuyến huyện			Tuyến tỉnh			Tổng cộng		
		Kết quả xét nghiệm mẫu								
		Tổng số mẫu kiểm nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ %không đạt	Tổng số mẫu kiểm nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ %không đạt	**Tổng số mẫu kiểm nghiệm**	**Số mẫu không đạt**	**Tỷ lệ %không đạt**
I	**Xét nghiệm tại labo**									
1	Kết quả xét nghiệm hóa lý	0	0	0,0	0	0	0,0	**0**	**0**	**0,0**
2	Kết quả xét nghiệm vi sinh	0	0	0,0	0	0	0,0	**0**	**0**	**0,0**
	Tổng xét nghiệm tại labo	0	0	0,0	0	0	0,0	**0**	**0**	**0,0**
II	**Xét nghiệm nhanh**	139	0	0,0	9	0	0,0	**148**	**0**	**0,0**
	Cộng	139	0	0,0	9	0	0,0	**148**	**0**	**0,0**